

Số: /QĐ-UBND

Bảo Hà, ngày tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ và danh sách trẻ em, học sinh Tiểu học,  
THCS được hưởng các chế độ chính sách bổ sung trong kỳ I, kỳ II  
năm học 2025-2026**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẢO HÀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGD&ĐT, ngày 24/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (Nghị định 66/2025/NĐ-CP);*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ Lao động Thương binh & Xã hội- Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật (Thông tư liên tịch số 42);*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 09/8/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định 277/2025/NĐ-CP, ngày 20/10/2025 của Chính phủ, Nghị định quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15, ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (Nghị định số 277/2025/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;*

*Quyết định số 2752/QĐ-UBND, ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lào Cai V/v phê duyệt danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số: 60/QĐ-BDTT, ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo V/v công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng I, II, III giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ thông báo số: 02 /TB-VHXH, ngày 26/3/2026 của Phòng VH-XH V/v thông báo kết quả rà soát, thẩm định các chế độ chính sách đối với học sinh năm học 2025-2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số: 58 /TTr-PVHXH, ngày 26/3/2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ và danh sách trẻ em mầm non, mẫu giáo, học sinh Tiểu học, THCS được hưởng các chế độ chính sách bổ sung trong kỳ I; kỳ II năm học 2025-2026. Cụ thể:

- Chế độ chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP, cấp Mầm non gồm: Bổ sung **04** trẻ em mầm non, mẫu giáo từ 3-5 tuổi được hưởng chế độ (từ tháng 10 đến hết tháng 12 năm 2025) trong học kỳ I, năm học 2025-2026 với tổng kinh phí thực hiện là **6.420.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và **149** trẻ em mầm non, mẫu giáo trong học kỳ II, năm học 2025-2026 với tổng kinh phí thực hiện là **407.998.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm linh bảy triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn đồng).

*(Có biểu tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện và danh sách trẻ em kèm theo)*

- Chế độ chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP, cấp Tiểu học và THCS gồm: Bổ sung **01** học sinh hưởng chế độ (tháng 09 năm 2025) trong học kỳ I, năm học 2025-2026 với tổng kinh phí thực hiện là **1.051.000 đồng** (Bằng chữ: Một triệu không trăm, năm mươi một nghìn đồng) và **795** học sinh tiểu học, THCS trong học kỳ II, năm học 2025-2026 với tổng kinh phí thực hiện là **4.788.571.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng); tổng số gạo theo nhu cầu thực hiện là: **59.625 kg**.

*(Có biểu tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện và danh sách học sinh kèm theo)*

- Chế độ chính sách theo Thông tư liên tịch số 42, gồm **56** trẻ em mầm non và học sinh khuyết tật cấp tiểu học, trung học cơ sở với tổng kinh phí thực hiện là **555.240.000 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm, năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).

*(Có biểu tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện và danh sách học sinh kèm theo)*

- Chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, gồm **210** trẻ em mẫu giáo với tổng kinh phí thực hiện là **168.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn*). Có biểu tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện và danh sách trẻ em, học sinh kèm theo.

- Chế độ chính sách theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP: 01 học sinh (từ tháng 1 đến hết tháng 8) với tổng kinh phí thực hiện là **5.616.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng chẵn*).

- Chế độ chính sách theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP, gồm **785** trẻ em mầm non, mẫu giáo từ 3-5 tuổi được hưởng chế độ (từ tháng 11 đến hết tháng 12 năm 2025) trong học kỳ I, năm học 2025-2026 với tổng kinh phí thực hiện là **565.800.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn*) và **419** trẻ em mầm non, mẫu giáo từ 3-5 tuổi được hưởng chế độ (từ tháng 01 đến hết tháng 5 năm 2026) trong học kỳ II, năm học 2025-2026 với tổng kinh phí thực hiện **1.918.763.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ chín trăm mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng*)

(*Có biểu tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện và danh sách trẻ em kèm theo*)

**Điều 2.** Giao cho Phòng Kinh tế, Phòng VH-XH và các đơn vị trường học thực hiện các thủ tục chi trả kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo đúng các quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng VH-XH, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS, TH&THCS có trẻ em mầm non, mẫu giáo hỗ trợ ăn trưa, học sinh ở bán trú, trẻ em và học sinh khuyết tật trong học kỳ II năm học 2025-2026 và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT. HĐND xã;
- Chủ tịch và các PCT xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Phòng VH-XH;
- Phòng KH-TC-Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, TTVGD (Trung, Mến).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Thị Ngát**